

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lưu Đức Chung.

+ Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 412/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Hà Anh T, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Đinh Hà Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn P tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù được hai bên gia đình hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Hiện cả hai không còn tình cảm với nhau và không còn sống chung với nhau nữa. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có hai con chung là Lê Hà Nguyên N, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2002 và Lê Hà Phương A, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008. Đối với cháu Nguyên N đã trưởng thành, còn cháu Lê Hà Phương A chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 7 năm 2022, bị đơn anh Lê Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Hà Anh T kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau nữa. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Lê Hà Nguyên N, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2002 và Lê Hà Phương A, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008. Anh đồng ý giao cháu Lê Hà Phương A cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Lê Hà Nguyên N đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Hà Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Đinh Hà Anh T và bị đơn anh Lê Văn P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn P cư trú tại xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, chị T có đơn khởi kiện ly hôn với anh P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32 ngày 13 tháng 5 năm 2002 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị T và anh P có những bất đồng về quan điểm sống, thường gây gổ, cãi vã nhau, hiện vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn, anh cũng Phi đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị T và anh P đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bị đơn nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh P có hai con chung Lê Hà Nguyên N, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2002 và Lê Hà Phương A, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008. Chị T có yêu cầu được nuôi cháu Phương A, anh P cũng đồng ý giao cháu Phương A cho chị T nuôi dưỡng, đối với cháu Lê Hà Nguyên N đã trưởng thành. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thống nhất được vấn đề nuôi con chung. Do đó, giao cháu Lê Hà Phương A, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Đinh Hà Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Hà Anh T đối với anh Lê Văn P về việc “ly hôn”.

Cho chị Đinh Hà Anh T được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Giao cháu Lê Hà Phương A, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 cho chị Đinh Hà Anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, Chị T và anh P vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh P có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đinh Hà Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005712 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Quốc Hoàn